

PGS,TSKH. TRẦN NGUYỄN TUYỀN

**GẮN KẾT
TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ
VÀ
TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI**

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
HÀ NỘI - 2010

đạt trên 1.000 USD. Việt Nam đã chính thức thoát khỏi nước nghèo, gia nhập câu lạc bộ những nước có thu nhập trung bình của thế giới.

Công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu đáng khích lệ về tăng trưởng kinh tế đã tạo điều kiện cho việc thúc đẩy tiến bộ xã hội và thực hiện công bằng xã hội. Việc nâng cao được chỉ số phát triển con người (HDI) cùng với việc thực hiện xóa đói giảm nghèo (được đánh giá vào loại thành công nhất thế giới) và bảo đảm an sinh xã hội diễn ra trong điều kiện thể chế dân chủ ngày càng mở rộng đã đưa nước ta dần tiến tới một xã hội "dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh".

Tuy nhiên đà tăng trưởng kinh tế, việc thực hiện công bằng xã hội và việc thúc đẩy tiến bộ xã hội của Việt Nam còn chưa vững chắc. Tính chất của giai đoạn phát triển mới với sự gia tăng của các yếu tố thị trường song hành với việc đẩy nhanh tiến độ chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, một mặt tạo ra những cơ hội mới đầy triển vọng cho sự phát triển chung, nhưng mặt khác cũng tạo ra những rủi ro, thách thức mới. Sự biến đổi của khí hậu toàn cầu, với việc tăng lên mạnh mẽ khối lượng khí hiệu ứng nhà kính, làm nhiệt độ trái đất tăng lên đang đe dọa 12% diện tích đất canh tác nông nghiệp nước ta và cuộc sống của 25% dân số Việt Nam. Tình trạng cạn kiệt nguồn tài nguyên của thế giới, việc giá dầu tăng với tốc độ phi mã đã buộc tất cả các quốc gia, trong đó có Việt Nam phải tính toán lại chiến lược phát triển.

Cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã đẩy kinh tế thế giới vào vòng suy giảm trầm trọng kể từ cuộc đại khủng hoảng

1929-1933 đến nay. Riêng Việt Nam đã suy giảm tăng trưởng kinh tế từ 8,5% năm 2007 xuống 6,3% năm 2008 và 2009 xuống 5,32%. Do ảnh hưởng khủng hoảng tài chính thế giới, nhiều doanh nghiệp phá sản, nhiều người đã lâm vào tình trạng thất nghiệp... Những khó khăn và thách thức đòi hỏi Việt Nam phải có những giải pháp hữu hiệu, đồng bộ để đồng thời đạt được cả ba mục tiêu: tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tiến bộ xã hội và thực hiện công bằng xã hội.

Trong thời gian qua, nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn mới nảy sinh đã được Đảng ta nghiên cứu và giải quyết một cách sáng tạo, linh hoạt phù hợp với điều kiện cụ thể ở nước ta.

Tuy nhiên, thực tiễn cũng đã chỉ ra rằng còn nhiều vấn đề quan trọng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam cần được nghiên cứu, tổng kết từ cuộc sống để làm sáng tỏ và vận dụng một cách có hiệu quả, *trong đó có vấn đề lý luận và quan điểm giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ xã hội và thực hiện công bằng xã hội.*

Nhằm giúp bạn đọc có thêm tài liệu nghiên cứu, tham khảo và phục vụ việc nghiên cứu các dự thảo Văn kiện Đại hội XI của Đảng về những vấn đề nêu trên, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách: ***Gắn kết tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội*** của PGS, TSKH. Trần Nguyễn Tuyên.

Nội dung cuốn sách tập trung vào những vấn đề lý luận chung về tăng trưởng kinh tế, tiến bộ xã hội và công bằng xã hội, về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ xã hội; nghiên cứu bối cảnh trong nước và quốc tế tác động đến gắn kết

tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội ở nước ta trong thời gian tới, đề xuất những giải pháp bảo đảm gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội ở nước ta giai đoạn đến năm 2020.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 7 năm 2010

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Chương I

QUAN NIỆM VỀ TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ, TIẾN BỘ VÀ CÔNG BẰNG XÃ HỘI

I- TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

Quá trình phát triển kinh tế trên thế giới hiện nay, kể cả những nước phát triển, những nền kinh tế mới nổi như Nga, Trung Quốc, Ấn Độ, Braxin..., các nước đang phát triển, nhất là ở các nước châu Á, châu Phi và châu Mỹ được các nhà kinh tế nghiên cứu một cách có hệ thống từ những năm 1950 đến nay. Trong quá trình nghiên cứu, mỗi học giả có những ý kiến, quan điểm, cách nhìn nhận khác nhau. Tuy nhiên, để phân biệt theo nhóm các nước và mức độ gia tăng kinh tế và tiến bộ về mặt xã hội, các nhà kinh tế thường dùng các thuật ngữ "tăng trưởng kinh tế" và "phát triển kinh tế" để mô tả và phản ánh trạng thái phát triển kinh tế - xã hội ở nhóm các nước này. Các thuật ngữ trên nhiều lúc được sử dụng thay thế nhau, trong một số nội dung ở một phạm vi nhất định nào đó, song chúng có sự khác nhau về căn bản. Trước hết, chúng ta hãy nghiên cứu về *tăng trưởng kinh*

tế, sau đó sẽ xem xét nó trong quan hệ với phát triển kinh tế để từ đó làm rõ hơn về khái niệm tăng trưởng kinh tế mà chúng ta thường dùng.

1. Khái niệm tăng trưởng kinh tế

Khái niệm tăng trưởng kinh tế (Economic Growth) lần đầu tiên xuất hiện trong tác phẩm *Của cải của các dân tộc* của Adam Smith xuất bản năm 1776. Nhưng mãi đến năm 1956, trong bài viết “Một đóng góp cho lý thuyết tăng trưởng kinh tế” (A Contribution to the Theory of Economic Growth), nhà kinh tế học Robert Solow mới lý giải đầy đủ khái niệm này. Hiện khái niệm đang được phát triển, ngày càng được bổ sung hoàn thiện hơn.

Theo nhiều nhà kinh tế thì, tăng trưởng kinh tế được hiểu là sự tăng lên về số lượng: “Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng giá trị tổng sản phẩm quốc dân hoặc sự gia tăng tổng sản phẩm quốc dân bình quân đầu người”; “Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng thu nhập của nền kinh tế một khoảng thời gian nhất định (thường là một năm). Sự gia tăng thể hiện ở quy mô và tốc độ. Quy mô tăng trưởng phản ánh sự gia tăng nhiều hay ít, còn tốc độ tăng trưởng được sử dụng với ý nghĩa so sánh tương đối và phản ánh sự gia tăng nhanh hay chậm của các thời kỳ”. Theo nhà nghiên cứu Denis Goulet, có “các nhà chiến lược thuộc phái tăng trưởng nhằm vào việc tối đa hóa toàn bộ nền sản xuất để tạo được *một chiếc bánh kinh tế to hơn*”. Còn theo PGS, TS. Vũ Văn Viện, “khái niệm tăng trưởng, nói

chung, được dùng để chỉ sự tăng thêm, sự lớn lên, sự mở rộng về quy mô của một hệ thống nào đó. Với ý nghĩa như vậy, tăng trưởng kinh tế là khái niệm diễn tả động thái của kinh tế phát triển. Nó nói lên sự tăng lên về sản lượng hàng hóa, sự mở rộng về quy mô sản xuất, sự tăng lên của thu nhập quốc dân GDP và sự tăng lên của thu nhập quốc dân đầu người”.

Tóm lại, theo quan điểm truyền thống, tăng trưởng kinh tế là tỷ lệ tăng sản lượng thực tế, là kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ của một nền kinh tế tạo ra. Sự tăng trưởng kinh tế được so sánh với năm gốc kế tiếp nhau được gọi là tốc độ tăng trưởng kinh tế.

Nhưng định nghĩa như thế đã chứa đựng hết nội dung khái niệm tăng trưởng kinh tế chưa? Để giải quyết triệt để vấn đề này, trước hết chúng ta hãy nhìn lại các học thuyết về tăng trưởng kinh tế.

2. Các học thuyết về tăng trưởng kinh tế

a) Lý thuyết kinh tế cổ điển

Tăng trưởng kinh tế là kết quả hoạt động sản xuất của xã hội loài người. Nó xuất hiện và tồn tại cùng với xã hội loài người. Các lý thuyết về tăng trưởng kinh tế cho đến nay đều nhằm mục đích xác định những yếu tố chủ yếu quyết định sự tăng trưởng và vai trò của mỗi yếu tố đó.

Lý thuyết về tăng trưởng kinh tế được phát triển cùng với sự ra đời của các học thuyết kinh tế trường phái cổ điển. Đại diện tiêu biểu cho lý luận tăng trưởng kinh tế cổ

điển là hai nhà kinh tế người Anh là Adam Smith (1723-1790) và David Ricardo (1772-1823). Các ông đã xem xét tăng trưởng kinh tế như là kết quả của việc sử dụng các yếu tố tài nguyên, con người, vốn, công nghệ và cơ chế.

Trong tác phẩm *Của cải của các dân tộc* (xuất bản năm 1776), Adam Smith cho rằng, tăng trưởng kinh tế là tăng đầu ra theo đầu người, hoặc tăng sản phẩm lao động. Theo A. Smith, nguồn gốc của tăng trưởng là từ lao động, vốn, đất đai và tiến bộ kỹ thuật, trong đó lao động là yếu tố căn bản. Từ đó ông cho rằng, tăng trưởng kinh tế có đặc tính lợi suất tăng dần theo quy mô. Theo ông, nhà nước không nên can thiệp vào thị trường mà hãy để “bàn tay vô hình” của thị trường điều tiết.

Với tác phẩm nổi tiếng *Các nguyên tắc của chính trị kinh tế học và thuế khóa*, David Ricardo đã nêu bật lý thuyết về giới hạn nguồn lực đối với tăng trưởng kinh tế. Cũng như Adam Smith, lý thuyết tăng trưởng của David Ricardo cho rằng, tích lũy tư bản trong các ngành công nghiệp hiện đại chính là động lực dẫn đến tăng trưởng kinh tế của một quốc gia, nhưng do khan hiếm nguồn lực nên sản lượng đầu ra có lợi suất giảm dần. Nông nghiệp cũng là một ngành kinh tế quan trọng, trong đó các yếu tố cơ bản của tăng trưởng kinh tế nông nghiệp là đất đai, lao động và vốn. Tăng trưởng là kết quả của tích lũy, tích lũy là hàm của lợi nhuận, phụ thuộc vào đất đai. Do đó đất đai là giới hạn của tăng trưởng.

Lý thuyết của Ricardo dự báo rằng, với nguồn tài

nguyên cho trước, cụ thể là với diện tích đất đai mỗi nhóm có hạn, thì việc tăng giá thực phẩm, lương thực do dân số tăng sẽ đẩy nền kinh tế tới một "trạng thái dừng", ở đó, tỷ suất lợi nhuận quá thấp đến mức nhà tư bản không còn động cơ để đầu tư thêm và mức lương của người lao động cũng vẫn duy trì ở mức đủ sống, chỉ duy có giới địa chủ là nhận được phần địa tô rất lớn. Ricardo cùng các nhà kinh tế cổ điển cho rằng thị trường được một bàn tay vô hình dẫn dắt để gần lợi ích cá nhân và lợi ích xã hội. Với quan điểm "cung tạo nên cầu", giá cả và tiền công có khả năng tự điều chỉnh trong thị trường, từ chỗ mất cân đối của nền kinh tế tạo nên cân đối mới và họ cho rằng các chính sách kinh tế không có tác động quan trọng nào vào hoạt động của nền kinh tế, mà đôi khi còn hạn chế khả năng phát triển kinh tế.

Các Mác đã đóng góp rất lớn vào lý thuyết tăng trưởng kinh tế với bộ **Tư Bản** nổi tiếng. Theo Mác, nguồn lực của tăng trưởng kinh tế là sự tích lũy tư bản, trong đó các yếu tố tác động đến quá trình này là đất đai, lao động, vốn và kỹ thuật. *Xét trên quy mô toàn xã hội, nguồn gốc của tích lũy là giá trị thặng dư do lao động làm thuê tạo ra.* Mác chia hoạt động xã hội thành hai lĩnh vực sản xuất vật chất và phi vật chất. Theo Mác, chỉ có lĩnh vực sản xuất vật chất mới sáng tạo ra sản phẩm xã hội.

b) Trường phái tuyến tính và các giai đoạn phát triển

Trường phái này phát triển mạnh mẽ vào những năm

1950-1960. Các tác giả của trường phái này nêu ra luận điểm cho rằng: quá trình phát triển kinh tế là một chuỗi thời gian nối tiếp nhau mà các quốc gia trên thế giới phải trải qua từ thấp lên cao.

Ross Tow với các giai đoạn tăng trưởng. Ông phân các giai đoạn tăng trưởng thành các giai đoạn: - Giai đoạn xã hội truyền thống (nông nghiệp là chủ yếu); - Giai đoạn cắt cánh (song song giữa nông nghiệp truyền thống và kinh tế tư bản chủ nghĩa). ở giai đoạn này phát triển mạnh cơ sở hạ tầng; - Giai đoạn trưởng thành (cơ cấu xã hội thay đổi, đầu tư trong sản phẩm quốc dân rộng NNP chiếm từ 10% đến 20%); - Giai đoạn tiêu dùng cao (công nghiệp đã phát triển cao, các nhu cầu tinh thần đã được đáp ứng đầy đủ).

c) Lý luận tăng trưởng của trường phái Keynes, mô hình Harrod - Domar

- Lý luận của Keynes:

Năm 1936, nhà kinh tế học người Anh - John Maynard Keynes (1884-1946) đã xuất bản cuốn sách rất nổi tiếng *Lý thuyết chung về việc làm, lãi suất và tiền tệ*, trong đó ông trình bày những quan điểm mới về nền kinh tế và vai trò của nhà nước trong xã hội. Theo J. Keynes, nền kinh tế khó đạt được mức sản lượng tiềm năng nhờ vào cơ chế tự điều chỉnh của thị trường, mà chỉ có thể tiến tới một trạng thái cân bằng ở một mức sản lượng nào đó dưới mức toàn dụng lao động. Vì vậy, muốn bảo đảm sự cân bằng kinh tế, khắc phục khủng